TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 106 /2025/DS-PT Ngày 17 - 02 - 2025 V/v tranh chấp "Hợp đồng góp hụi và Hợp đồng vay"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Bình.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

Ông Trần Hữu Tính.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Trúc Hương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 635/2024/TLPT-DS ngày 18/12/2024 về việc tranh chấp "Hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 147/2024/DS-ST ngày 21/8/2024 của Toà án nhân dân thành phố MT, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 762/2025/QĐ-PT ngày 26/12/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Diệp Thị N**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Diệp Thị N: Bà **Nguyễn Thị Mỹ H**, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Số A L, phường F, Tp.MT, Tiền Giang.

- *Bị đơn:*

1. Bà **Võ Thị Thu V**, sinh năm 1973 (vắng mặt).

2. Ông **Võ Văn N1**, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Số B L, phường E, Tp.MT, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo*: nguyên đơn bà Diệp Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo bản án sơ thẩm,*

Nguyên đơn bà Diệp Thị N và bà Nguyễn Thị Mỹ H – đại diện theo ủy quyền nguyên đơn bà Diệp Thị N trình bày:

Bà N làm nghề chạy tàu du lịch nên quen biết với bà V làm tạp vụ của Nhà hàng C, ông N1 là chồng bà V làm thợ hồ.

Bà V biết bà N có mở dây hụi, làm chủ hụi nên bà V tham gia chơi 8 dây hụi, cụ thể:

- Dây 1: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, mở hụi ngày 05/02/2018 AL, mãn hụi ngày 05/02/2020 AL, có 25 phần. Bà V tham gia 03 phần, đã hốt cả 03 phần hụi vào kỳ khui hụi lần 1, lần 2 và lần 3. Sau đó bà V có đóng hụi chết cho bà N đến kỳ khui hụi thứ 15, còn nợ lại 10 tháng tiền hụi là 30.000.000 đồng (1.000.000 đồng/tháng x 10 tháng x 3 phần).

- Dây 2: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, mở hụi ngày 10/12/2018 AL, mãn hụi ngày 10/10/2020 AL, có 24 phần. Bà V tham gia 02 phần, bà V đã hốt cả 02 phần hụi vào kỳ khui hụi lần 3 và lần 4. Sau đó bà V có đóng hụi chết cho bà N đến kỳ khui hụi thứ 5, còn nợ lại 19 tháng tiền hụi là 38.000.000 đồng (1.000.000 đồng/tháng x 19 tháng x 2 phần).

- Dây 3: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, mở hụi ngày 15/04/2019 AL, mãn hụi ngày 15/02/2021 AL, có 24 phần. Bà V tham gia 03 phần, bà V đã hốt cả 03 phần hụi vào kỳ khui hụi lần 1, lần 2 và lần 3. Sau đó bà V có đóng hụi chết cho bà đến kỳ khui hụi thứ 13, còn nợ lại 11 tháng tiền hụi là 33.000.000 đồng (1.000.000 đồng/tháng x 11 tháng x 3 phần)

- Dây 4: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, mở hụi ngày 20/09/2019 AL, mãn hụi ngày 29/11/2020 AL, có 16 phần. Bà V tham gia 01 phần, bà V đã hốt hụi vào kỳ khui hụi lần 3. Sau đó, bà V có đóng hụi chết cho bà đến kỳ khui hụi thứ 8, còn nợ lại 8 tháng tiền hụi là 8.000.000 đồng (1.000.000 đồng/tháng x 8 tháng x 01 phần).

- Dây 5: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, mở hụi ngày 25/06/2019 AL, mãn hụi ngày 25/07/2021 AL, có 26 phần. Bà V tham gia 01 phần, bà V đã hốt hụi vào kỳ khui hụi lần 1. Sau đó, bà V có đóng hụi chết cho bà đến kỳ khui hụi thứ 11 thì ngưng, còn nợ lại 15 tháng tiền hụi là 15.000.000 đồng (1.000.000 đồng/tháng x 15 tháng x 01 phần).

- Dây 6: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, mở hụi ngày 30/07/2019 AL, mãn hụi ngày 30/06/2021 AL, có 24 phần. Bà V tham gia 03 phần, bà V đã hốt cả 03 phần hụi vào kỳ khui hụi lần 1, lần 2 và lần 3. Sau đó, bà V có đóng hụi chết cho bà đến kỳ khui hụi thứ 10, còn nợ lại 14 tháng tiền hụi là 42.000.000 đồng (1.000.000 đồng/tháng x 14 tháng x 3 phần)

- Dây 7: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, mở hụi ngày 20/09/2019 AL, mãn hụi ngày 20/12/2021 AL, có 17 phần. Bà V tham gia 01 phần, bà V đã hốt hụi vào kỳ khui hụi lần 1. Sau đó, bà V có đóng hụi chết cho bà đến kỳ khui hụi thứ 8, còn nợ lại 9 tháng tiền hụi là 18.000.000 đồng (2.000.000 đồng/tháng x 9 tháng x 01 phần).

- Dây 8: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, mở hụi ngày 30/04/2019 AL, mãn hụi ngày 30/01/2021 AL, có 23 phần. Bà V tham gia 01 phần, bà V đã hốt hụi vào kỳ khui hụi lần 1. Sau đó, bà V có đóng hụi chết cho bà đến kỳ khui hụi thứ 13, còn nợ lại 10 tháng tiền hụi là 20.000.000 đồng (2.000.000 đồng/tháng x 10 tháng x 1 phần).

Mỗi lần hốt hụi bà V đều xin bà N cho hốt vì đóng tiền học cho con, con bị bệnh, nhà đang cần gấp tiền để xoay sở, sửa nhà, nên bà phải cho bà V hốt hụi. Tổng cộng 8 dây hụi, bà V còn nợ bà N số tiền là 200.000.000 đồng do không thực hiện nghĩa vụ đóng hụi sau khi hốt hụi. Bà N phải đóng choàng cho bà V để duy trì các dây hụi cho đến ngày mãn. Ngoài ra, vợ chồng bà V còn nợ bà N số tiền là 80.000.000 đồng do thiếu tiền chi tiêu, con cái nằm bệnh viện nên bà N cho mượn.

Ngày 14/06/2020, bà N liệt kê các khoản nợ và bà V có ký xác nhận nợ bà N số tiền là 280.000.000 đồng. Số tiền hụi và tiền mượn nợ bà V đem về để sửa nhà, lo tiền con cái bệnh hoạn, phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, mua đồ dùng thiết yếu cho gia đình, trong đó có chồng bà V là ông N1 cùng hưởng. Bà N đã nhiều lần đến nhà yêu cầu vợ chồng bà V trả số tiền còn nợ nhưng bà V và ông N1 cứ hẹn để bán đất trả, tuy nhiên phần đất này hiện ông N1, bà V vẫn chưa bán cho ai.

Bà Diệp Thị N yêu cầu ông Võ Văn N1 và bà Võ Thị Thu V phải liên đới trả cho bà N số tiền nợ là 280.000.000 đồng, gồm 200.000.000 đồng tiền nợ hụi và 80.000.000 đồng tiền vay, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Võ Thị Thu V *đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bà V vắng mặt, không có gởi văn bản trình bày ý kiến về việc bà N khởi kiện.*

Bị đơn ông N1 trình bày:

Theo yêu cầu khởi kiện của bà N, ông không đồng ý liên đới cùng bà V trả số nợ 280 triệu đồng, lý do: Ông không biết bà V vay và chơi hụi gì, ông không có đi đóng hụi gì, do ông đi làm hồ đến tối mới về, bà V đã bỏ nhà đi từ năm 2019 cho đến nay. Sau khi bà V bỏ đi thì bà N có đến nhà ông để đòi nợ, ông không biết bà N là ai.

Việc nguyên đơn cho rằng bà V đem tiền về sửa chữa nhà, lo tiền con cái bệnh hoạn, phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, mua đồ dùng thiết yếu cho gia đình, có ông cùng hưởng là không đúng, các con của ông đã lớn và có gia đình, nên nguyên đơn nói lo cho con bệnh hoạn là không đúng, tiền sửa chữa nhà là tiêu chuẩn của cha ông do có công với cách mạng nên Ủy ban nhân dân thành phố M cho 40 triệu đồng để sửa nhà vào năm 2018, bà V không có mua sắm gì trong nhà, nên ông không đồng ý liên đới cùng bà V trả nợ.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 147/2024/DS-ST ngày 21/8/2024 của Toà án nhân dân thành phố MT, tỉnh Tiền Giang, đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26, vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228_Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị định số

19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của bà Diệp Thị N.

Buộc bà Võ Thị Thu V có nghĩa vụ trả cho bà Diệp Thị N 200.000.000 đồng tiền hụi và 80.000.000 đồng tiền vay, tổng cộng là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng). Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi chậm trả.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 27/8/2024 bà Diệp Thị N có đơn kháng cáo yêu cầu: buộc ông Võ Văn N1 phải liên đới cùng bà Võ Thị Thu V trả cho bà N số tiền 280.000.000 đồng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày:

- Bà Nguyễn Thị Mỹ H - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Diệp Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Bị đơn ông Võ Văn N1 không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bà Diệp Thị N.

- Bị đơn bà Võ Thị Thu V vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã xử: chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc bà V có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền 200.000.000 đồng tiền hụi và 80.000.000 đồng tiền vay, tổng cộng là 280.000.000 đồng, là có căn cứ. Bà N kháng cáo yêu cầu buộc ông Võ Văn N1 phải liên đới cùng bà V trả cho bà N, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới nên không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Võ Thị Thu V vắng mặt. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà V.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Diệp Thị N; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Giấy nhận thiếu tiền nợ hụi và tiền mượn ngày 14/6/2020 không có chữ ký của ông Võ Văn N1. Ông N1 xác định không biết bà V tham gia hụi, hốt hụi và vay tiền của bà N, không biết bà V sử dụng khoản tiền trên vào việc gì, bà V không có sử dụng tiền hụi, tiền vay của bà N để phục vụ cho sinh hoạt chung cho gia đình, nên ông N1 không đồng ý liên đới cùng bà V trả nợ.

[2.2] Bà N xác định mỗi lần giao tiền hốt hụi thì bà V nhận tiền, tiền vay cũng bà V nhận; ông N1 không có nhận tiền và bà N không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh bà V sử dụng 280.000.000 đồng vào sinh hoạt thiết yếu của gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N và đại diện theo ủy quyền của bà N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N.

[2.3] Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà Diệp Thị N không được chấp nhận nên bà N phải nộp án phí dân sự phúc thẩm thep quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Diệp Thị N.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 147/2024/DS-ST ngày 21/8/2024 của Toà án nhân dân thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà Diệp Thị N.

Buộc bà Võ Thị Thu V có nghĩa vụ trả cho bà Diệp Thị N 200.000.000 đồng tiền hụi và 80.000.000 đồng tiền vay, tổng cộng là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng). Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi chậm trả.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị Thu V phải chịu 14.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H1 lại cho bà Diệp Thị N số tiền 7.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006050 ngày 26/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Diệp Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu **số ngày** của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố MT, tỉnh Tiền Giang; xem như đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

3. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND Tp.MT;
- CCTHADS Tp.MT;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

DSPT-2025-H

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thanh Bình